

Bản án số: 09/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 – 01 – 2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phụng.

2. Ông Trà Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thạch Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thảo N, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Thạch Ngọc T trình bày:

Vào năm năm 2012, ông Thạch Ngọc T và bà Huỳnh Thị Thảo N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 18/9/2013. Sau kết hôn ông T và bà N chung sống hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến tháng 7/2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau nên đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống ông T và bà N có 01 con

chung là Thạch Thu T1, sinh ngày 20/10/2012 hiện đang sống với ông T. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Thạch Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thảo N; về con chung: Xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Thạch Thu T1, sinh ngày 20/10/2012 đến khi thành niên, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà N, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thạch Ngọc T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Thạch Thu T1, sinh ngày 20/10/2012 cho ông Thạch Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà Huỳnh Thị Thảo N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Ông Thạch Ngọc T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Huỳnh Thị Thảo N không có tài sản chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Thạch Ngọc T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Huỳnh Thị Thảo N không có nợ chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà N nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch Ngọc T xác định ông và bà Huỳnh Thị Thảo N chung sống với nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, đăng ký vào ngày 18/9/2013. Do đó, hôn nhân của ông T và bà N tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 10/11/2023 và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà N với lý do trong quá trình chung sống, đến tháng 7/2015 thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông và bà N đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi ông T chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thảo N, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà N biết nhưng bà không có ý kiến phản đối gì và cũng không trình bày ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Thạch Ngọc T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thảo N.

[3]. Về con chung: Ông Thạch Ngọc T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Huỳnh Thị Thảo N có 01 người con chung là Thạch Thu T1, sinh ngày 20/10/2012, hiện nay đang sống chung với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T xác định từ khi ông và bà N sống ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, hiện nay cháu vẫn đang chung sống với ông nên ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 đến khi thành niên. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế ông T và bà N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2015 cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu Thủy chung sống với ông T, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu T1 đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu T1 thì nguyện vọng của cháu muốn sống chung với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu T1 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Huỳnh Thị Thảo N mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Ngọc T không có yêu cầu bà Huỳnh Thị Thảo N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Ngọc T xác định ông và bà Huỳnh Thị Thảo N không có tài sản chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Ngọc T xác định ông và bà Huỳnh Thị Thảo N không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Ông Thạch Ngọc T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Huỳnh Thị Thảo N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch Ngọc T được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thảo N.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Thạch Thu T1, sinh ngày 20/10/2012 cho ông Thạch Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi thành niên. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Huỳnh Thị Thảo N mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Thạch Ngọc T không có yêu cầu bà Huỳnh Thị Thảo N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000609 ngày 10/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Như vậy, ông T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Huỳnh Thị Thảo N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nơi nhận:

TÒA

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hưng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo